

Bản án số: 116/2024/DS-PT

Ngày 19/11/2024

V/v *Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn và bà Cao Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A B, Tổ G, phường A, thị xã A, Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư chi nhánh V luật sư Phan Anh C tại Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M trình bày:

Tôi và vợ chồng bà Đặng Thị P, ông Lê Thanh T quen biết nhau nên tôi có cho vợ chồng bà P, ông T vay tiền nhiều lần để làm ăn, đến hạn bà P trả gốc và lãi theo thoả thuận. Sau đó, bà P tiếp tục vay tiền của tôi để làm ăn cho gia đình vào các ngày như sau:

Ngày 18/7/2020 vay số tiền 200.000.000đ, hẹn trả vào ngày 18/10/2020; ngày 20/9/2020 vay số tiền 60.000.000đ, hẹn sẽ trả vào ngày 20/11/2020 (Đối với số tiền 60.000.000đ này bà P đã nhờ bà Nguyễn Thị B ở huyện K, B trả cho tôi số tiền gốc 60.000.000đ vào ngày 16/12/2020 nhưng bà P chưa trả lãi. Sau bà P cần tiền nên đề nghị tôi chuyển lại cho bà P vay lại nên tôi đã chuyển lại cho bà P ngay vào ngày 16/12/2020. Vì bà P chưa trả tiền lãi khoản tiền vay gốc 60.000.000đ này nên ngày bà P vay tiền vẫn là ngày 20/9/2020 theo giấy nợ bà P đã ghi trước đó là ngày 20/9/2020); ngày 30/9/2020 vay số tiền 30.000.000đ; ngày 20/10/2020 vay số tiền 70.000.000đ (Đối với số tiền 350.000.000đ bà P vay ngày 30/7/2020 viết giấy riêng và đã trả xong nên tôi không đưa vào đơn khởi kiện nữa). Tổng số tiền bà P vay là 360.000.000đ. Khi đến hạn bà P không trả mà tiếp tục vay tiền của tôi để làm ăn, mua bán bất động sản. Tôi yêu cầu trả thì bà P chỉ trả khoản tiền nợ của giấy nợ trước và có chuyển khoản số tiền 100.000.000đ vào ngày 30/6/2023, còn lại 260.000.000đ đến nay chưa trả. Trong quá trình vay có thoả thuận lãi suất theo của ngân hàng là 0,83%/tháng nhưng từ khi vay cho đến nay bà P chưa trả tiền lãi cho tôi như đã thoả thuận nên tôi có khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P phải trả tiền gốc và lãi cho tôi. Lý do, trước đây vào ngày 25/6/2019 vợ chồng bà P có vay tôi số tiền 1.200.000.000đ và ông T đưa cho tôi giữ thẻ ngành còn bà P đưa cho tôi giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tạo lòng tin. Số tiền này bà P đã nhiều lần dứt điểm vào ngày 14/5/2021 nên đề nghị tôi trả lại thẻ ngành cho ông T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P. Số tiền số tiền vay 360.000.000đ mặc dù có một mình bà P ký giấy vay tiền nhưng bà P và ông T là vợ chồng và thời điểm bà P ký giấy vay số tiền nói trên thì tôi vẫn còn giữ thẻ ngành của chồng bà P nên tôi không yêu cầu ông T ký mà chỉ có một mình bà P ký vào giấy mượn tiền. Vì tôi tin tưởng bà P nên tôi đã trả lại thẻ ngành cho ông T và tôi có chụp hình lại để làm tin nên tôi đã in màu nộp cho Tòa án. Số tiền bà P vay của tôi để phục vụ chung cho gia đình nên tôi yêu cầu vợ chồng bà P có trách nhiệm trả cho tôi số tiền gốc 260.000.000đ và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi tôi chấp nhận tính thời gian bà P vay tiền lần cuối là ngày 20/10/2020 đến nay với số tiền lãi là 120.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 380.000.000đ.

1.2. Bị đơn bà Đặng Thị P trình bày:

Bà P thừa nhận có vay tiền của bà M các lần như sau: Ngày ngày 18/7/2020 vay số tiền 200.000.000đ; ngày 20/9/2020 vay số tiền 60.000.000đ; ngày 30/9/2020 vay số tiền 30.000.000đ; ngày 20/10/2020 vay số tiền 70.000.000đ; ngày 30/7/2020 vay số tiền 350.000.000đ, tổng cộng là 710.000.000đ. Khi vay tiền của bà M thì bà P có thể chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Bà P khai chuyển khoản trả cho bà M nhiều lần tổng số tiền là 408.300.000đ và con gái của bà P tên Nguyễn Thị Ngọc L đã trả cho bà M bằng tiền mặt là 226.700.000đ. Hiện nay chỉ còn nợ bà M số tiền gốc là 75.000.000đ chứ không phải 260.000.000đ như bà M khởi kiện. Việc vay tiền của bà M chỉ có một mình bà P nên bà P chịu trách nhiệm chứ không liên quan đến chồng bà là ông Lê Thanh T. Bà P đồng ý trả số tiền 75.000.000đ với lãi suất 0,83%/tháng và đề nghị bà M trả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P.

1.3. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Ngọc P1 trình bày:

Bà P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà P xác nhận có vay tiền của bà M nhiều lần (05 lần) số tiền 710.000.000đ và đã trả cho bà M số tiền 635.000.000đ (Trong đó chuyển khoản số tiền 408.300.000đ và trả tiền mặt 226.700.000đ). Hiện nay, bà P còn nợ bà M số tiền 75.000.000đ gốc. Do trước đây bà P và bà M làm ăn với nhau nên bà P có nhờ bà M đứng tên giùm cho bà P 4 thửa đất số 536, số 537, số 540 và số 541, tờ bản đồ 26; địa chỉ Tổ D, phường A, TX. A, tỉnh Gia Lai, hiện nay bà M đang giữ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên. Bà P sẽ thỏa thuận với bà M nếu không được sẽ khởi kiện vụ án khác chứ không yêu cầu xem xét trong vụ án này. Đối với số tiền vay của bà M chỉ một bà P vay nên bà P chịu trách nhiệm chứ không liên quan đến chồng bà P là ông Lê Thanh T. Số tiền còn nợ bà M 75.000.000đ gốc bà P đồng ý sẽ trả và đồng ý trả lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền gốc 75.000.000đ, từ khi bà M khởi kiện cho đến nay.

1.4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T trình bày:

Ông T không vay tiền của bà M, việc vay tiền do vợ ông là bà P vay và ký giấy vay tiền chứ ông không biết, không ký nên ông không đồng ý Tòa án đưa ông vào tham gia Tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nói trên và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M, về việc yêu cầu bà Đặng Thị P phải trả số tiền gốc 260.000.000đ và tiền lãi 120.000.000đ.

+ Buộc bà Đặng Thị P, phải trả cho bà Nguyễn Thị Hà M, số tiền gốc 260.000.000đ và tiền lãi 120.000.000đ, tổng cộng là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Hà M cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, bà Đặng Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M về yêu cầu ông Lê Thanh T có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc bà Đặng Thị P phải nộp số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hà M số tiền 8.442.200đ (Tám triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0012958 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Khê.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà Đặng Thị P có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai theo hướng bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 75.000.000đ.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 212.700.000đ và lãi suất theo thỏa thuận chứ không phải số tiền gốc như nguyên đơn trình bày là 260.000.000đ.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 của BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai về phần lãi suất.

Về án phí dân sự phúc thẩm bị đơn không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hà M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với các tài liệu đã được cung cấp trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà P thừa nhận có vay và trả nhiều lần hiện nay bị đơn còn nợ lại nguyên đơn bà M số tiền 212.700.000đ và lãi suất theo các bên thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 260.000.000đ là không chính xác.

Nguyên đơn cho rằng số tiền 47.300.000đ bị đơn đã chuyển khoản là trả cho việc thuê nhà, rút tiền mặt và tiền mua đồ dùng cá nhân phục vụ cho việc sinh hoạt của bị đơn.... Bị đơn chuyển khoản nhưng không có ghi rõ nội dung nên phía nguyên đơn không chấp nhận.

Xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo số 173/TB-CCTLCC ngày 21/6/2024 yêu cầu phía bị đơn cung cấp chứng cứ về việc trả số tiền 226.700.000đ như lời khai của bị đơn. Nhưng bị đơn không cung cấp rõ tài liệu chứng cứ để chứng minh, sau đó bị đơn nộp cho cấp sơ thẩm bản khai đề 15/8/2024 của chị Nguyễn Thị Ngọc L (con gái của bị đơn) nhằm chứng minh cho lời khai của bị đơn về việc bị đơn đã trả số tiền mặt cho nguyên đơn. Nhưng chị L trình bày đã trả số tiền 166.700.000đ chứ không phải là 226.700.000đ như lời khai của bị đơn.

Qua việc xem xét lời khai của chị L đã trả cho nguyên đơn số tiền 166.700.000đ là không có cơ sở pháp lý để chứng minh, hơn nữa giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tiền biệt lập, có nhiều giấy vay tiền được xác lập. Mặc dù bị đơn đã cung cấp cho Tòa án danh sách thông kê và bảng sao kê thời gian chuyển khoản giữa nguyên đơn và bị đơn vào 04/7/2020 đến ngày 30/6/2023 với tổng số tiền là 408.300.000đ nhưng trong nội dung chuyển khoản trả nợ không thể hiện cụ thể là bị đơn chuyển trả tiền cho nguyên đơn khoản tiền vay theo giấy vay tiền ngày, tháng năm nào. Vì vậy, trên cơ sở xem xét không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị đơn về số tiền đã trả cho nguyên đơn.

Xét thấy, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều thừa nhận đã chuyển khoản số tiền 100.000.000đ vào ngày 30/6/2023 vào số tiền gốc nên còn lại 260.000.000đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bên bị đơn cũng đã thừa nhận còn nợ số tiền 212.700.000đ tăng so với khoản nợ mà bị đơn tự trừ nợ tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho việc đã trả số tiền vay còn lại.

[3]. Về khoản tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu lãi 0,83%/tháng (tương ứng với 9,96%/năm) trong giao dịch dân sự việc trả lãi được tính theo cách thông thường theo năm, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Thời gian tính lãi là từ ngày tiếp theo ngày bà P vay lần cuối (ngày vay cuối cùng là ngày 20/10/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2024 là 1.410 ngày, tiền lãi là 260.000.000 đồng x 1.410 ngày x 9,96%/năm = 100.036.603 đồng.

Cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 260.000.000đ và tiền lãi 120.000.000đ tổng cộng là 380.000.000đ là chưa chính xác về mặt tính toán. Do đó, cần sửa lại số tiền phải trả để đảm bảo theo yêu cầu của pháp luật.

Từ các nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị P, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Đặng Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị P
Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai về phần tiền lãi.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M

Buộc bà Đặng Thị P trả cho bà Nguyễn Thị Hà M số tiền 360.036.603đ (Ba trăm sáu mươi triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm lẻ ba đồng), trong đó tiền gốc là 260.000.000 đồng và tiền lãi 100.036.603 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà M về việc yêu cầu ông Lê Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Đặng Thị P trả nợ cho nguyên đơn.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị P phải nộp 18.001.830đ (Mười tám triệu, không trăm lẻ một nghìn, tám trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hà M số tiền 8.442.200đ (tám triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012958 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho bà Đặng Thị P 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013219 ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã An Khê;
- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THA dân sự thị xã An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Hà